

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành nội dung đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các chức danh chuyên môn tại Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ BÀ RỊA

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;  
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế, Quy định phạm vi hoạt động chuyên môn đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ QĐ 369/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc quy định, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa;

Căn cứ BB số 29/BB - HĐKH ngày 23 tháng 05 năm 2025 biên bản họp của Hội đồng Khoa học mở rộng Thông qua nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa lần 2;

Theo đề nghị của trưởng phòng KHN.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này nội dung đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa cho từng chức danh chuyên môn: Y sĩ đa khoa; Y sĩ Y học cổ truyền; (Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng tổ chức hành chính, các trưởng/phó khoa, phòng, bộ phận và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Tôn Thất Các

Số: 02 /BCB-TTYT TPBR<sup>3</sup>

Bà Rịa<sup>4</sup>, ngày 28 tháng 5 năm 2025

## BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu<sup>5</sup>

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: TRUNG TÂM Y TẾ TP BÀ RỊA<sup>6</sup>

Số giấy phép hoạt động: 1005/SYT-GPHĐ Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu<sup>7</sup> ngày 22/06/2020

Địa chỉ: 57, Nguyễn Thanh Đăng, Phước Trung (Phước Hiệp cũ), thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu<sup>8</sup>

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ông Tôn Thất Các

Điện thoại liên hệ: 0254.3.825157 Email (nếu có): ttytbr@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Y sĩ đa khoa; Y sĩ y học cổ truyền;<sup>9</sup>
2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: *Đính kèm phụ lục 1*<sup>10</sup>
3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Y sĩ về Hồi sức cấp cứu tại Bệnh viện Bà Rịa là 03 tháng theo hợp đồng số Hợp đồng số 02/HĐHT-TTYT, *Đính kèm hợp đồng hợp tác thực hành với Bệnh viện Bà Rịa (Hợp đồng số 02/HĐHT-TTYT ngày 14/01/2025)*<sup>11</sup>
4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 05 người (*Đính kèm phụ lục 2*)
5. Chi phí hướng dẫn thực hành:
  - Tại TTYT thành phố Bà Rịa: Không thu phí thực hành.

<sup>1</sup> Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp của cơ sở thực hành (nếu có).

<sup>2</sup> Tên cơ sở hướng dẫn thực hành.

<sup>3</sup> Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản công bố.

<sup>4</sup> Địa danh.

<sup>5</sup> Tên cơ quan tiếp nhận văn bản công bố.

<sup>6</sup> Ghi rõ tên cơ sở hướng dẫn thực hành.

<sup>7</sup> Ghi rõ tên cơ quan cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

<sup>8</sup> Địa chỉ ghi trên Giấy phép hoạt động.

<sup>9</sup> Đối tượng hướng dẫn thực hành: liệt kê các chức danh chuyên môn mà cơ sở hướng dẫn thực hành phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

<sup>10</sup> Liệt kê danh sách người hướng dẫn thực hành.

<sup>11</sup> Liệt kê nội dung người thực hành không thực hành tại cơ sở đó mà phải thực hành ở cơ sở khác (kèm theo hợp đồng hợp tác thực hành).

- Riêng thực hành Hồi sức cấp cứu tại Bệnh viện Bà Rịa: Thu phí thực hành theo Hợp đồng số 02/HĐHT-TTYT ngày 14/01/2025.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố:

- Giấy phép hoạt động số 1005/SYT-GPHĐ ngày 22/06/2020 của TTYT thành phố Bà Rịa (Bảng scan).

- Chương trình thực hành Y sĩ đa khoa, Y sĩ y học cổ truyền .

- Phụ lục 1.

- Phụ lục 2.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



**Tôn Thất Các**

SỐ LƯỢNG TIẾP NHẬN NGƯỜI THỰC HÀNH

| STT | Chức danh            | Số lượng người tiếp nhận ( tối đa) | chi phí hướng dẫn                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Y sỹ đa khoa         | 5                                  | không thu phí tại TTYT thành phố Bà Rịa. Các nhân tự trả phí thực hành cho BVBR theo hợp đồng số 02/HĐHT-TTYT ngày 14/01/2025 |         |
|     | Y sỹ Y học cổ truyền | 5                                  | không thu phí tại TTYT thành phố Bà Rịa. Các nhân tự trả phí thực hành cho BVBR theo hợp đồng số 02/HĐHT-TTYT ngày 14/01/2025 |         |

Bà Rịa, ngày 18 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC



*Trần Nhật Các*

SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU  
TTYT THÀNH PHỐ BÀ RỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH (Đối tượng Y sỹ)**

| STT                    | Họ và tên    | Học hàm, học vị, chuyên khoa                | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo                                                                                           | CCHN/GPHN        | Phạm vi hành nghề                                                                                  | Ngày cấp CCHN/GPHN |
|------------------------|--------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1                      | 2            | 3                                           | 4                                                                                                                             | 5                | 6                                                                                                  | 7                  |
| <b>I</b>               |              |                                             |                                                                                                                               |                  |                                                                                                    |                    |
| <b>Chuyên khoa Nội</b> |              |                                             |                                                                                                                               |                  |                                                                                                    |                    |
| 1                      | Âu Đắc Thắng | Bác sĩ, CK1 khám chữa, bệnh chuyên khoa Nội | - KCB chuyên khoa Nội tổng hợp;<br>- KCB chuyên khoa Tâm thần;<br>- KCB CK Lao (CV số 4854/SYT-NV ngày 25/10/2022).           | 001283/BRVT-CCHN | - KCB chuyên khoa Nội.<br>- KCB khoa Tâm thần. - KCB chuyên khoa Lao                               | 16/05/2017         |
| 2                      | Đình Văn Thơ | Bác sĩ, CK1 khám chữa, bệnh chuyên khoa Nội | - KCB chuyên khoa Nội tổng hợp.<br>- KCB Chuyên khoa Tâm thần (QĐ số 285/QĐ-SYT);<br>- KCB theo Nguyên lý YHGD (QĐ-574/QĐ-SYT | 004675/BRVT-CCHN | Bác sĩ - KCB chuyên khoa Nội tổng hợp;<br>- KCB chuyên khoa Tâm thần;<br>- KCB theo Nguyên lý YHGD | 13/06/2018         |

|                                                         |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 3                                                       | Dương Văn Ngọc        | Bác sĩ, CK1 khám chữa, bệnh chuyên khoa Nội        | KCB chuyên khoa Nội Khoa                                                                                                         | 001201/BRVT-CCHN | - Bác sĩ KCB chuyên khoa Nội                                                                                                          | 10/4/2017  |
| <b>II</b>                                               |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| <b>Chuyên khoa Nhi</b>                                  |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| 1                                                       | Nguyễn Thị Gám        | Bác sĩ, chuyên khoa Nhi                            | Bác sĩ đa khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi                                                                                   | 000889/BRVT-CCHN | Bác sĩ KCB chuyên khoa Nhi                                                                                                            | 6/12/2012  |
| <b>III</b>                                              |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| <b>Chuyên khoa Ngoại</b>                                |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| 1                                                       | Vũ Hoàng Giang        | Bác sĩ đa khoa, GCN chấn thương chỉnh hình         | KCB chuyên khoa Nội, Ngoại tổng hợp/QĐ số 162/QĐ-SYT ngày 9/8/2017 Bổ sung thực hiện các kỹ thuật chuyên môn chuyên khoa X.Quang | 001245/BRVT-CCHN | Bác sĩ KCB chuyên khoa Nội tổng hợp, chuyên khoa Ngoại, Chấn thương chỉnh hình, thực hiện các kỹ thuật chuyên môn chuyên khoa X.Quang | 7/10/2013  |
| <b>IV</b>                                               |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| <b>Chuyên khoa Sản</b>                                  |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| 1                                                       | Hà Ngọc Tường Vân     | Bs khám chữa, bệnh chuyên khoa Sản, Phụ khoa       | KCB chuyên khoa Sản phụ khoa                                                                                                     | 006404/BRVT-CCHN | -Bác sĩ<br>- KCB chuyên khoa Sản, phụ khoa.                                                                                           | 24/07/2023 |
| <b>V</b>                                                |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| <b>Chuyên khoa YHCT</b>                                 |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| 1                                                       | Nguyễn Nhật Tam       | Bác sĩ, CK1 khám chữa, bệnh chuyên khoa YHCT, PHCN | Khám chữa bệnh Y học cổ truyền; khám chữa, bệnh PHCN                                                                             | 000679/BRVT-CCHN | Bác sĩ KCB chuyên khoa YHCT                                                                                                           | 3/1/2019   |
| 2                                                       | Đặng Văn Bảo          | Bác sĩ khám chữa, bệnh chuyên khoa YHCT            | Khám chữa bệnh Y học cổ truyền                                                                                                   | 000493/BRVT-CCHN | Bác sĩ - KCB chuyên khoa YHCT                                                                                                         | 3/1/2019   |
| <b>VI</b>                                               |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| <b>Chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng</b> |                       |                                                    |                                                                                                                                  |                  |                                                                                                                                       |            |
| 1                                                       | Nguyễn Thị Minh Nghĩa | Bác sĩ khám chữa, bệnh chuyên khoa YHCT, PHCN      | Khám chữa bệnh Y học cổ truyền; Khám chữa bệnh chuyên khoa PHCN                                                                  | 003262/BRVT-CCHN | Bác sĩ KCB chuyên khoa YHCT, PHCN                                                                                                     | 13/07/2015 |



*Handwritten signature*

|                        |                   |                                               |                                                                 |                  |                                                           |            |
|------------------------|-------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------|------------|
| 2                      | Nguyễn Thị Nhung  | Bác sĩ khám chữa, bệnh chuyên khoa YHCT, PHCN | Khám chữa bệnh Y học cổ truyền; Khám chữa bệnh chuyên khoa PHCN | 004958/BRVT-CCHN | Bác sĩ KCB chuyên khoa YHCT, PHCN                         | 21/04/2020 |
| <b>VII</b>             |                   |                                               |                                                                 |                  |                                                           |            |
| <b>Chuyên khoa Mắt</b> |                   |                                               |                                                                 |                  |                                                           |            |
| 1                      | Hoàng Minh Phương | BS,CK1 Nội khám chữa, bệnh chuyên khoa Mắt    | KCB chuyên khoa Nội tổng hợp, chuyên khoa Mắt                   | 001422/BRVT-CCHN | - KCB chuyên khoa Mắt;<br>- KCB Chuyên khoa Nội Tổng hợp. | 20/11/2013 |
| <b>VIII</b>            |                   |                                               |                                                                 |                  |                                                           |            |
| <b>Chuyên khoa TMH</b> |                   |                                               |                                                                 |                  |                                                           |            |
| 1                      | Nguyễn Văn Thanh  | Ths. Bs CK2 khám chữa, bệnh chuyên khoa TMH   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng                   | 000566/BRVT-GPHN | Bác sĩ - KCB chuyên khoa TMH                              | 16/08/2012 |
| <b>IX</b>              |                   |                                               |                                                                 |                  |                                                           |            |
| <b>Chuyên khoa RHM</b> |                   |                                               |                                                                 |                  |                                                           |            |
| 1                      | Huỳnh Văn Thoạn   | Bác sĩ, CK1 khám chữa, bệnh chuyên khoa RHM   | KCB chuyên khoa RHM                                             | 000904/BRVT-CCHN | - Bác sĩ CK1 KCB chuyên khoa RHM                          | 10/12/2012 |
| 2                      | Võ Thị Xuân Nghĩa | Bác sĩ khám chữa, bệnh chuyên khoa RHM        | KCB chuyên khoa RHM                                             | 001810/BRVT-CCHN | - Bác sĩ KCB chuyên khoa RHM                              | 24/12/2013 |

Bà Rịa, ngày 28 tháng 05 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**



*Handwritten signature*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ VÀ HỢP TÁC**  
**VỀ TIẾP NHẬN NGƯỜI THỰC HÀNH**

Số: 02/HĐHT-TTYT

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ hướng dẫn của Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 317/SYT-NV ngày 26/01/2024 về việc hướng dẫn các nội dung liên quan thủ tục hành chính công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành;

Căn cứ tình hình thực tế hiện nay của Trung tâm Y tế Bà Rịa chưa hoàn tất hồ sơ công bố cơ sở khám chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành do thiếu phạm vi hành nghề về Hồi sức cấp cứu, quy định tại Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

Hôm nay, ngày 14/01/2025 tại Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa. Chúng tôi gồm có:

**Bên A: Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa**

Giấy phép hoạt động số: 1005/BRVT- GPHĐ của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 22/06/2020.

Địa chỉ: 57 Nguyễn Thanh Đăng, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nay là: 57 Nguyễn Thanh Đăng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: 02543825157

Đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thất Các

Chức vụ: Giám đốc.

**Bên B: BỆNH VIỆN BÀ RI**

Giấy phép hoạt động số 1703/BRVT-GPHĐ của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25/07/2023.



Địa chỉ: Số 686 Võ Văn Kiệt, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh BR - VT.

Điện thoại: 0254.3742313

Fax: 02543.828118.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Thanh**.

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện.

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết “Hợp đồng hỗ trợ và hợp tác về tiếp nhận người thực hành” (sau đây gọi chung là “Hợp đồng”) và cam kết thực hiện đúng những điều khoản sau:

### **Điều 1. Nội dung Hợp đồng hợp tác**

1. Đối tượng thực hành áp dụng đối với chức danh: Y sĩ (sau khi kết thúc thực hành tại Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa là 06 tháng về chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh);

Đối tượng thực hành: là nhân viên của Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa (Căn cứ theo thời gian đóng Bảo hiểm xã hội: 06 tháng đối với Y sĩ).

2. Số lượng thực hành: Theo số lượng có thể tiếp nhận Người thực hành của Bên B.

3. Nội dung chuyên môn thực hành: Khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu.

4. Thời gian thực hành, thực hiện từ ngày Hợp đồng có hiệu lực: (với Y sĩ tổng thời gian thực hành tại Bên B là 3 tháng).

5. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Bà Rịa (Địa chỉ: Số 686, đường Võ Văn Kiệt, Phường Long Tâm, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

6. Chi phí thực hành (nếu có): Thực hiện theo quy định của Bên B.

### **Điều 2. Điều khoản thanh toán**

Người được Bên A giới thiệu thực hành, trực tiếp thanh toán chi phí thực hành theo quy định của Bên B.

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

1. Bên A có quyền:

a) Sau khi xác nhận kết thúc thời gian thực hành tại Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa, Bên A hướng dẫn người thực hành tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị thực hành đến Bên B để thực hành phạm vi hành nghề hồi sức cấp cứu.

b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi

phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên A có nghĩa vụ:

a) Cung cấp cho Bên B thông tin của người thực hành.

b) Hướng dẫn người thực hành chuẩn bị hồ sơ thực hành theo quy định của Bên B.

c) Thông báo bằng văn bản thông tin người thực hành, số lượng người thực hành, thời gian thực hành cho Bên B trước ba mươi (30) ngày bắt đầu thực hành.

d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

1. Bên B có quyền:

a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên A vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên A.

d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

d) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

đ) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

e) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

Hợp đồng này được hiểu và chịu sự điều chỉnh của Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này đều phải được làm bằng văn bản và có chữ ký của



*[Handwritten signature]*

hai bên. Các phụ lục là phần không tách rời của hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên nào có khó khăn trở ngại thì phải báo cho bên kia trong vòng một (01) tháng kể từ ngày có khó khăn trở ngại.

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã nêu trong hợp đồng trên nguyên tắc tôn trọng và hợp tác, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

### **Điều 6. Hiệu lực**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi Bên A hoặc Bên B có văn bản đề nghị thống nhất kết thúc hợp tác và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

### **Điều 7. Cam đoan của các bên**

1. Bên A cam đoan:

- a) Thông tin về Bên A và những người do Bên A giới thiệu thực hành là đúng sự thật;
- b) Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- c) Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

- a) Những thông tin về Bên B ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- c) Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.

Hợp đồng này làm thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản./

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Dương Thanh**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**  
**Tôn Thất Các**

**CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH 09 THÁNG  
CHO CHỨC DANH Y SỸ HÀNH NGHỀ ĐA KHOA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-TTYT ngày 28 tháng 5 năm 2025  
của Giám đốc TTYT thành phố Bà Rịa và danh mục dịch vụ kỹ thuật thực hành 9 tháng  
cho chức danh y sỹ hành nghề đa khoa)

**A. Nội dung hướng dẫn tập trung:**

| STT | Tên bài                                                                             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | <b>Kiến thức chung</b>                                                              |
| 1   | Luật khám, chữa bệnh, quy chế kê đơn thuốc, các quy định thanh quyết toán BHYT      |
| 2   | Đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh                                               |
| 3   | Kỹ năng giao tiếp và ứng xử                                                         |
| II  | <b>Nội khoa</b>                                                                     |
| 1   | TRIAGE                                                                              |
| 2   | Sử dụng các phương tiện hỗ trợ hô hấp (oxy qua gọng kính, Mask, thở không xâm nhập) |
| 3   | Tiêu chảy nhiễm trùng                                                               |
| 4   | Đái tháo đường                                                                      |
| 5   | Tăng huyết áp                                                                       |
| 6   | Đột quỵ                                                                             |
| 7   | Theo dõi SpO2 liên tục tại giường                                                   |
| 8   | Đau bụng cấp                                                                        |



| STT | Tên bài                                                                       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|
| 9   | Sốt xuất huyết                                                                |
| 10  | Tay chân miệng                                                                |
| 11  | Hồi sức ngừng tuần hoàn                                                       |
| 12  | Tiếp cận sóc                                                                  |
| 13  | Phản vệ                                                                       |
| 14  | Đuối nước                                                                     |
| 15  | Động vật cắn                                                                  |
| 16  | Hen, COPD                                                                     |
| 17  | Sử dụng monitor, bơm tiêm điện, máy truyền dịch, máy đo điện tim              |
| III | <b>Nhi khoa</b>                                                               |
| 1   | Thở ngạt                                                                      |
| 2   | Tiêm truyền thuốc                                                             |
| 3   | CPR: ép tim ngoài lồng ngực, bóp bóng qua Mask                                |
| IV  | <b>Ngoại khoa</b>                                                             |
| 1   | Cấp cứu gãy xương, cấp cứu và vận chuyển người bệnh nghi chấn thương cột sống |
| 2   | Chích apxe phần mềm                                                           |

| STT | Tên bài                                         |
|-----|-------------------------------------------------|
| 3   | Cấp cứu dị vật đường thở                        |
| 4   | Thay băng vết mổ                                |
| 5   | Nẹp cố định xương gãy                           |
| 6   | Khâu vết thương                                 |
| 7   | Xuất huyết tiêu hoá                             |
| 8   | Cầm máu ( <i>vết thương chảy máu</i> )          |
| V   | <b><i>Sản khoa</i></b>                          |
| 1   | Khám thai                                       |
| 2   | Khám phụ khoa                                   |
| 3   | Làm thuốc âm đạo                                |
| 4   | Đặt và tháo dụng cụ tử cung                     |
| VI  | <b><i>Mắt – Răng hàm mặt – Tai mũi họng</i></b> |
| 1   | Cấp cứu mắt                                     |
| 2   | Lấy cao răng                                    |
| 3   | Chích áp xe lợi                                 |
| 4   | Lấy dị vật tai ngoài                            |



| STT | Tên bài                                        |
|-----|------------------------------------------------|
| V   | <b><i>YHCT – VLTL - PHCN</i></b>               |
| 1   | Giác hơi                                       |
| 2   | Xông hơi thuốc                                 |
| 3   | Luyện tập dưỡng sinh                           |
| 4   | Điều trị bằng nhiệt nóng ( <i>chườm nóng</i> ) |
| 5   | Điều trị bằng nhiệt lạnh ( <i>chườm lạnh</i> ) |

#### **B. Thời gian thực hành:**

- Thực hành Nội khoa: 4 tuần
- Thực hành Nhi khoa: 4 tuần
- Thực hành Ngoại khoa: 4 tuần
- Thực hành Sản khoa: 4 tuần
- Thực hành Mắt - Răng hàm mặt - Tai mũi họng: 4 tuần
- Thực hành YHCT, Vật lý trị liệu: 4 tuần
- Thực hành Hồi sức cấp cứu: 12 tuần (*Thực hành tại Bệnh viện Bà Rịa*)

*Rịa, căn cứ theo hợp đồng số 02/HĐHT-TTYT ngày 14/01/2025 giữa Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa và Bệnh viện Bà Rịa).*

**Ghi chú:** Ngoài nội dung hướng dẫn tập trung, người hướng dẫn phải có trách nhiệm hướng dẫn nội dung phạm vi hành nghề quy định theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn người thực hành để thực hành đảm bảo chuẩn năng lực theo yêu cầu chức danh chuyên môn đăng ký thực hành./.

**DANH MỤC KỸ THUẬT THỰC HÀNH 09 THÁNG  
CHO CHỨC DANH Y SỸ HÀNH NGHỀ ĐA KHOA**

| STT | Số TT<br>theo<br>Thông tư<br>32/2023/<br>TT-BYT | Số TT<br>theo<br>Thông tư<br>43/2013/T<br>T-BYT và<br>Thông tư<br>21/2017/T<br>T-BYT | DANH MỤC KỸ THUẬT                                                |
|-----|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|     |                                                 |                                                                                      | <b>HỆ THẦN KINH</b>                                              |
| 1   | 1                                               | 2.128                                                                                | Chăm sóc mắt ở người liệt VII ngoại biên (một lần)               |
|     |                                                 |                                                                                      | <b>HỆ TUẦN HOÀN</b>                                              |
| 2   | 7                                               | 3.203                                                                                | Cầm máu (vết thương chảy máu)                                    |
| 3   | 8                                               | 9.8                                                                                  | Cấp cứu ngừng tim                                                |
| 4   | 10                                              | 3.51                                                                                 | Ép tim ngoài lồng ngực                                           |
| 5   | 11                                              | 1.2                                                                                  | Ghi điện tim cấp cứu tại giường                                  |
|     |                                                 |                                                                                      | <b>HỆ HÔ HẤP</b>                                                 |
| 6   | 16                                              | 1.75                                                                                 | Chăm sóc ống nội khí quản                                        |
| 7   | 18                                              | 9.123                                                                                | Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng                              |
| 8   | 19                                              | 2.32                                                                                 | Khí dung thuốc giãn phế quản                                     |
| 9   | 23                                              | 2.29                                                                                 | Kỹ thuật tập thở cơ hoành                                        |
| 10  | 24                                              | 2.31                                                                                 | Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế                                  |
| 11  | 27                                              | 15.221                                                                               | Sơ cứu bong đường hô hấp                                         |
| 12  | 30                                              | 3.107                                                                                | Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)                        |
| 13  | 31                                              | 9.7                                                                                  | Cấp cứu ngừng thở                                                |
| 14  | 34                                              | 9.183                                                                                | Thở oxy gọng kính                                                |
| 15  | 35                                              | 1.57                                                                                 | Thở oxy qua gọng kính ( $\leq 8$ giờ)                            |
| 16  | 42                                              | 3.111                                                                                | Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)                                   |
| 17  | 43                                              | 3.105                                                                                | Thổi ngạt                                                        |
| 18  | 44                                              | 1.64                                                                                 | Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn, trẻ em  |
| 19  | 45                                              | 1.65                                                                                 | Bóp bóng Ambu qua mặt nạ                                         |
| 20  | 46                                              | 2.68                                                                                 | Vận động trị liệu hô hấp                                         |
| 21  | 47                                              | 3.112                                                                                | Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn                  |
|     |                                                 |                                                                                      | <b>HỆ TIÊU HOÁ</b>                                               |
| 22  | 48                                              | 2.241                                                                                | Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)         |
| 23  | 50                                              | 1.224                                                                                | Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)                            |
| 24  | 51                                              | 1.216                                                                                | Đặt ống thông dạ dày                                             |
| 25  | 52                                              | 1.223                                                                                | Đặt ống thông hậu môn                                            |
| 26  | 53                                              | 3.178                                                                                | Đặt sonde hậu môn                                                |
| 27  | 55                                              | 3.1384                                                                               | Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày                |
| 28  | 57                                              | 3.181                                                                                | Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay |
| 29  | 61                                              | 9.147                                                                                | Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày                         |
| 30  | 65                                              | 2.337                                                                                | Thụt thuốc qua đường hậu môn                                     |
| 31  | 67                                              | 2.339                                                                                | Thụt tháo phân                                                   |
| 32  | 68                                              | 2.244                                                                                | Đặt ống sonde dạ dày                                             |
|     |                                                 |                                                                                      | <b>HỆ TIẾT NIỆU</b>                                              |
| 33  | 72                                              | 10.359                                                                               | Dẫn lưu bàng quang đơn thuần                                     |
| 34  | 76                                              | 1.164                                                                                | Thông bàng quang                                                 |
| 35  | 77                                              | 3.133                                                                                | Thông tiểu                                                       |
|     |                                                 |                                                                                      | <b>HỆ NỘI TIẾT</b>                                               |



|    |     |        |                                                                                              |
|----|-----|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 36 | 81  | 7.225  | Thay băng trên người bệnh đái tháo đường                                                     |
| 37 | 82  | 7.234  | Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường                                  |
|    |     |        | <b>HỆ CƠ XƯƠNG</b>                                                                           |
| 38 | 83  | 10.164 | Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản                                                 |
| 39 | 85  | 1.157  | Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn                                              |
| 40 | 86  | 1.276  | Cố định tạm thời người bệnh gãy xương                                                        |
| 41 | 87  | 1.277  | Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng                                                            |
| 42 | 90  | 3.3817 | Chích áp xe phần mềm lớn                                                                     |
| 43 | 91  | 16.301 | Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt                                                      |
| 44 | 93  | 3.3827 | Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm                                                       |
|    |     |        | <b>MẮT</b>                                                                                   |
| 45 | 94  | 14.214 | Bóc giả mạc                                                                                  |
| 46 | 95  | 14.212 | Cấp cứu bỏng mắt ban đầu                                                                     |
| 47 | 96  | 14.203 | Cắt chỉ khâu da mi đơn giản                                                                  |
| 48 | 97  | 3.207  | Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê                                                             |
| 49 | 98  | 14.207 | Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc                                       |
| 50 | 100 | 14.171 | Khâu da mi đơn giản                                                                          |
| 51 | 101 | 14.202 | Lấy calci kết mạc                                                                            |
| 52 | 104 | 14.208 | Thay băng vô khuẩn                                                                           |
| 53 | 105 | 14.222 | Theo dõi nhãn áp 3 ngày                                                                      |
| 54 | 106 | 14.174 | Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt                                          |
| 55 | 107 | 14.209 | Tra thuốc nhỏ mắt                                                                            |
| 56 | 110 | 14.211 | Rửa cùng đồ                                                                                  |
| 57 | 111 |        | Quy Trình Khám mắt                                                                           |
|    |     |        | <b>TAI</b>                                                                                   |
| 58 | 113 | 15.57  | Chích nhọt ống tai ngoài                                                                     |
| 59 | 114 | 15.56  | Chọc hút dịch vành tai                                                                       |
| 60 | 116 | 15.59  | Lấy nút biểu bì ống tai ngoài                                                                |
|    |     |        | <b>MŨI, MIỆNG, HỌNG, ĐẦU CỔ</b>                                                              |
| 61 | 118 | 1.53   | Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu                                                                |
| 62 | 120 | 15.222 | Khí dung mũi họng                                                                            |
| 63 | 121 | 15.212 | Lấy dị vật họng miệng                                                                        |
| 64 | 122 | 15.141 | Nhét bắc mũi trước                                                                           |
| 65 | 123 | 3.1955 | Nhổ răng sữa                                                                                 |
| 66 | 125 | 15.301 | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu cổ                                                         |
| 67 | 126 | 15.302 | Cắt chỉ sau phẫu thuật                                                                       |
| 68 | 128 | 15.304 | Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ                                                                  |
|    |     |        | <b>RĂNG HÀM MẶT</b>                                                                          |
| 69 | 132 | 3.3083 | Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu                                                         |
| 70 | 138 | 3.1703 | Cắt chỉ khâu da                                                                              |
| 71 | 139 | 3.1515 | Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu. |
|    |     |        | <b>PHỤC HỒI CHỨC NĂNG</b>                                                                    |
| 72 | 150 | 17.17  | Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)                                                        |
| 73 | 151 | 17.31  | Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người                                            |
| 74 | 152 | 17.35  | Tập lăn trở khi nằm                                                                          |
| 75 | 153 | 17.36  | Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi                                                         |
| 76 | 154 | 17.41  | Tập đi với thanh song song                                                                   |
| 77 | 155 | 17.42  | Tập đi với khung tập đi                                                                      |
| 78 | 156 | 17.43  | Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)                                                      |
| 79 | 157 | 17.44  | Tập đi với gậy                                                                               |
| 80 | 158 | 17.47  | Tập lên, xuống cầu thang                                                                     |
| 81 | 160 | 17.54  | Tập vận động chủ động                                                                        |
| 82 | 161 | 17.55  | Tập vận động tự do tứ chi                                                                    |

|     |     |        |                                                                           |
|-----|-----|--------|---------------------------------------------------------------------------|
| 83  | 162 | 17.63  | Tập với thang tường                                                       |
| 84  | 163 | 17.65  | Tập với ròng rọc                                                          |
| 85  | 164 | 17.66  | Tập với dụng cụ quay khớp vai                                             |
| 86  | 167 | 17.71  | Tập với xe đạp tập                                                        |
| 87  | 168 | 17.75  | Tập ho có trợ giúp                                                        |
|     |     |        | <b>TÂM THẦN</b>                                                           |
| 88  | 170 | 3.268  | Cấp cứu người bệnh tự sát                                                 |
| 89  | 171 | 6.49   | Liệu pháp giải thích hợp lý                                               |
| 90  | 174 | 6.59   | Liệu pháp tái thích ứng xã hội                                            |
| 91  | 177 | 6.58   | Liệu pháp thể dục, thể thao                                               |
|     |     |        | <b>NHI KHOA</b>                                                           |
| 92  | 184 | 3.51   | Ép tim ngoài lồng ngực                                                    |
| 93  | 185 | 3.105  | Thổi ngạt                                                                 |
| 94  | 186 | 3.106  | Bóp bóng Ambu qua mặt nạ                                                  |
| 95  | 187 | 3.107  | Thủ thuật Heimlic ( lấy dị vật đường thở)                                 |
| 96  | 188 | 3.108  | Thở oxy gọng kính                                                         |
| 97  | 189 | 3.112  | Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn                           |
| 98  | 190 | 3.113  | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp                                            |
| 99  | 191 | 3.191  | Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường                                  |
| 100 | 192 | 3.133  | Thông tiểu                                                                |
| 101 | 193 | 3.134  | Hồi sức chống sốc                                                         |
| 102 | 195 | 3.178  | Đặt sonde hậu môn                                                         |
| 103 | 196 | 3.179  | Thụt tháo phân                                                            |
| 104 | 198 | 3.199  | Xoa bóp phòng chống loét                                                  |
| 105 | 200 | 3.201  | Cố định tạm thời người bệnh gãy xương                                     |
| 106 | 201 | 3.202  | Băng bó vết thương                                                        |
| 107 | 202 | 3.203  | Cầm máu (vết thương chảy máu)                                             |
| 108 | 203 | 3.204  | Vận chuyển người bệnh an toàn                                             |
|     |     |        | <b>XÉT NGHIỆM</b>                                                         |
| 109 | 207 | 6.74   | Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu                      |
| 110 | 209 | 3.191  | Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường                                  |
| 111 | 211 |        | Lấy mẫu, vận chuyển mẫu bệnh phẩm xét nghiệm                              |
|     |     |        | <b>DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁC</b>                                             |
| 112 | 212 | 1.275  | Băng bó vết thương                                                        |
| 113 | 213 | 1.269  | Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn                                           |
| 114 | 214 | 1.65   | Bóp bóng Ambu qua mặt nạ                                                  |
| 115 | 216 | 15.302 | Cắt chỉ sau phẫu thuật                                                    |
| 116 | 217 | 3.3821 | Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản                  |
| 117 | 218 | 12.92  | Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm                      |
| 118 | 223 | 15.304 | Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ                                               |
| 119 | 225 | 3.3031 | Chích rạch áp xe nhỏ                                                      |
| 120 | 226 | 11.89  | Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng                      |
| 121 | 230 | 3.134  | Hồi sức chống sốc                                                         |
| 122 | 233 | 3.187  | Kiểm soát đau trong cấp cứu                                               |
| 123 | 238 | 3.1403 | Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy                      |
| 124 | 239 | 3.1409 | Kỹ thuật truyền dịch trong sốc                                            |
| 125 | 242 | 1.251  | Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)         |
| 126 | 243 | 9.133  | Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc                                      |
| 127 | 246 | 3.185  | Nâng thân nhiệt chủ động                                                  |
| 128 | 247 | 1.229  | Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên $\leq 8$ giờ |
| 129 | 252 | 11.82  | Sơ cấp cứu bỏng acid                                                      |
| 130 | 253 | 11.83  | Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện                                              |
| 131 | 254 | 11.81  | Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng                                           |
| 132 | 255 | 11.79  | Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt                                     |



|     |     |        |                                                                   |
|-----|-----|--------|-------------------------------------------------------------------|
| 133 | 256 | 3.29   | Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu                                  |
| 134 | 257 | 3.4198 | Test dưới da với thuốc                                            |
| 135 | 258 | 2.163  | Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN                     |
| 136 | 259 | 3.192  | Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng                         |
| 137 | 260 | 1.267  | Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)               |
| 138 | 262 | 11.5   | Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn |
| 139 | 264 | 11.116 | Thay băng điều trị vết thương mạn tính                            |
| 140 | 265 | 15.303 | Thay băng vết mổ                                                  |
| 141 | 266 | 3.3911 | Thay băng, cắt chỉ                                                |
| 142 | 268 | 9.168  | Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy                          |
| 143 | 271 | 9.176  | Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui                       |
| 144 | 272 | 3.2389 | Tiêm bắp thịt                                                     |
| 145 | 273 | 3.2388 | Tiêm dưới da                                                      |
| 146 | 274 | 3.2387 | Tiêm trong da                                                     |
| 147 | 276 | 9.194  | Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS                       |
| 148 | 277 | 3.1405 | Truyền dịch thường quy                                            |
| 149 | 278 | 9.196  | Truyền dịch trong sốc                                             |
| 150 | 280 | 1.252  | Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch $\leq 8$ giờ                         |
| 151 | 283 | 3.204  | Vận chuyển người bệnh an toàn                                     |
| 152 | 284 | 1.278  | Vận chuyển người bệnh cấp cứu                                     |
| 153 | 285 | 1.279  | Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng              |
| 154 | 287 | 9.204  | Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh        |
| 155 | 288 | 3.885  | Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay                                  |
| 156 | 289 | 3.886  | Xoa bóp lưng, chân                                                |
| 157 | 290 | 1.266  | Xoa bóp phòng chống loét                                          |
| 158 | 291 | 3.887  | Xoa bóp                                                           |

*Handwritten signature/initials in blue ink.*



**CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH 09 THÁNG  
CHO CHỨC DANH Y SỸ HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN**

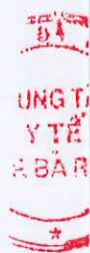
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 184/QĐ-TTYYT ngày 28 tháng 5 năm 2025  
của Giám đốc TTYYT thành phố Bà Rịa và danh mục kỹ thuật thực hành 9 tháng cho  
chức danh y sỹ hành nghề Y học cổ truyền)*

**A. Nội dung hướng dẫn tập trung:**

| STT | Tên bài                                                                             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | <b>Kiến thức chung</b>                                                              |
| 1   | Luật khám, chữa bệnh, quy chế kê đơn thuốc, các quy định thanh quyết toán BHYT      |
| 2   | Đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh                                               |
| 3   | Kỹ năng giao tiếp và ứng xử                                                         |
| II  | <b>Nội khoa</b>                                                                     |
| 1   | TRIAGE                                                                              |
| 2   | Sử dụng các phương tiện hỗ trợ hô hấp (oxy qua gọng kính, Mask, thở không xâm nhập) |
| 3   | Tiêu chảy nhiễm trùng                                                               |
| 4   | Đái tháo đường                                                                      |
| 5   | Tăng huyết áp                                                                       |
| 6   | Đột quỵ                                                                             |
| 7   | Theo dõi SpO2 liên tục tại giường                                                   |
| 8   | Đau bụng cấp                                                                        |

| STT | Tên bài                                                        |
|-----|----------------------------------------------------------------|
| III | <b><i>YHCT</i></b>                                             |
| 1   | Chứng Huyết vện (Tăng huyết áp/HA thấp/Thiếu máu)              |
| 2   | Chứng Tiệt bí/Tiết tả/Phúc thông (Hội chứng ruột kích thích)   |
| 3   | Chứng Hoàng đản/ Hiếp thông (Viêm gan cấp, mạn)                |
| 4   | Chứng Vị quản thông (Viêm loét dạ dày tá tràng)                |
| 5   | Chứng tiết tả/tiệt bí/phúc thông (Viêm đại tràng cấp, mạn)     |
| 6   | Chứng thạch lâm (Sỏi tiết niệu)                                |
| 7   | Chứng Lâm (Viêm đường tiết niệu)                               |
| 8   | Chứng bán thân bất toại (Liệt nửa người)                       |
| 9   | Chứng trúng phong (Tai biến mạch máu não)                      |
| 10  | Chứng đạo hãn/Tâm quý/Chính xung (Rối loạn thần kinh thực vật) |
| 11  | Chứng yêu thông/ yêu cước thông (Hội chứng thắt lưng - hông)   |
| 12  | Chứng tỵ lậu (Viêm xoang)                                      |
| 13  | Chứng thất miên/đầu thông/huyết vện (Suy nhược thần kinh)      |
| 14  | Chứng Tý (Viêm khớp dạng thấp)                                 |
| 15  | Chứng Tý (Thoái hoá khớp)                                      |

| STT | Tên bài                                                                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16  | Chứng Kiên tý/Lạc chằm ( <i>Hội chứng cổ - vai - tay</i> )                                                                      |
| 17  | Chứng Thống phong ( <i>Gút</i> )                                                                                                |
| 18  | Chứng Khẩu nhãn oa tà ( <i>Liệt dây thần kinh VII ngoại biên</i> )                                                              |
| 19  | Chứng ban chẩn/phong chẩn/huyết phong sang ( <i>Viêm da cơ địa</i> )                                                            |
| 20  | Chứng tý ( <i>Bệnh Zona thần kinh</i> )                                                                                         |
| 21  | Chứng hen suyễn ( <i>Hen phế quản</i> )                                                                                         |
| 22  | Chứng khái thấu ( <i>Viêm mũi họng mạn tính</i> )                                                                               |
| 24  | Chứng Ty uyên ( <i>Viêm mũi dị ứng</i> )                                                                                        |
| 25  | Nhận biết và cách sử dụng một số cây thuốc nam thường dùng theo Quyết định số 4664/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế |
| 26  | Quy trình sơ chế, bào chế đơn giản của một số vị thuốc YHCT                                                                     |
| 27  | Luyện tập dưỡng sinh                                                                                                            |
| 28  | Hào châm                                                                                                                        |
| 29  | Nhĩ châm                                                                                                                        |
| 30  | Điện châm                                                                                                                       |
| 31  | Sắc thuốc thang                                                                                                                 |
| 32  | Ôn châm                                                                                                                         |



| STT | Tên bài                                           |
|-----|---------------------------------------------------|
| 33  | Cứu                                               |
| 34  | Ngâm thuốc YHCT toàn thân/ bộ phận                |
| 35  | Chườm ngải                                        |
| 36  | Xoa bóp bấm huyệt                                 |
| 37  | Giác hơi                                          |
| 38  | Xông hơi thuốc                                    |
| 39  | Điện nhĩ châm                                     |
| 40  | Tập lăn trở khi nằm                               |
| 41  | Điều trị bằng tia hồng ngoại                      |
| 42  | Điều trị bằng nhiệt nóng                          |
| 43  | Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người |
| 44  | Tập ho có trợ giúp                                |
| 45  | Điều trị bằng nhiệt nóng ( <i>chườm nóng</i> )    |
| 46  | Điều trị bằng nhiệt lạnh ( <i>chườm lạnh</i> )    |
| 47  | Tập nằm đúng tư thế cho bệnh nhân liệt nửa người  |
| 48  | Điều trị da bằng ngâm, tắm                        |

| STT | Tên bài                                                               |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|
| 49  | Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi                                  |
| 50  | Tập vận động chủ động                                                 |
| 51  | Tập vận động tự do tứ chi                                             |
| 52  | Vận động trị liệu cho người bất động tại giường                       |
| 53  | Tập đi với thanh song song                                            |
| 54  | Tập đi với khung tập đi                                               |
| 55  | Tập vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường $\leq 8$ giờ |
| 56  | Xoa bóp phòng chống loét                                              |
| 57  | Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện                                 |
| 58  | Tra thuốc nhỏ mắt                                                     |
| IV  | <b><i>VLTL - PHCN</i></b>                                             |
| 1   | Điều trị bằng nhiệt nóng ( <i>chườm nóng</i> )                        |
| 2   | Điều trị bằng nhiệt lạnh ( <i>chườm lạnh</i> )                        |
| 3   | Điều trị bằng tia hồng ngoại                                          |
| 4   | Tập ho có trợ giúp                                                    |
| 5   | Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người                     |



**B. Thời gian thực hành:**

- Thực hành Nội khoa: 2 tuần
- Thực hành YHCT: 20 tuần
- Thực hành Vật lý trị liệu, PHCN: 2 tuần
- Thực hành Hồi sức cấp cứu: 12 tuần (Thực hành tại Bệnh viện Bà Rịa, căn cứ theo hợp đồng số 02/HĐHT-TTYT ngày 14/01/2025 giữa Trung tâm Y tế thành phố Bà Rịa và Bệnh viện Bà Rịa).

**Ghi chú:** Ngoài nội dung hướng dẫn tập trung, người hướng dẫn phải có trách nhiệm hướng dẫn nội dung phạm vi hành nghề quy định theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn người thực hành để thực hành đảm bảo chuẩn năng lực theo yêu cầu chức danh chuyên môn đăng ký thực hành./.



**DANH MỤC KỸ THUẬT THỰC HÀNH 09 THÁNG  
CHO CHỨC DANH Y SỸ HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN**

| STT | Số TT theo Thông tư 32/2013/TT-BYT | Số TT theo Thông tư T-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT | DANH MỤC KỸ THUẬT                                                          |
|-----|------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|     |                                    |                                                      | <b>Y HỌC CỔ TRUYỀN</b>                                                     |
| 1   | 2                                  | 8.2                                                  | Hào châm                                                                   |
| 2   | 3                                  | 8.4                                                  | Nhĩ châm                                                                   |
| 3   | 4                                  | 8.5                                                  | Điện châm                                                                  |
| 4   | 21                                 | 8.162                                                | Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình                                 |
| 5   | 22                                 | 8.163                                                | Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy                                   |
| 6   | 23                                 | 8.164                                                | Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản                                        |
| 7   | 24                                 | 8.165                                                | Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp                                       |
| 8   | 25                                 | 8.166                                                | Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên                             |
| 9   | 26                                 | 8.167                                                | Điện nhĩ châm điều trị tác tia sữa                                         |
| 10  | 27                                 | 8.168                                                | Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                   |
| 11  | 28                                 | 8.169                                                | Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đầu, đau nửa đầu                            |
| 12  | 30                                 | 8.171                                                | Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress                                    |
| 13  | 31                                 | 8.172                                                | Điện nhĩ châm điều trị nôn                                                 |
| 14  | 33                                 | 8.174                                                | Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo                                             |
| 15  | 36                                 | 8.177                                                | Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não             |
| 16  | 37                                 | 8.178                                                | Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng                           |
| 17  | 38                                 | 8.179                                                | Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt                          |
| 18  | 43                                 | 8.184                                                | Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quận thận                                   |
| 19  | 44                                 | 8.185                                                | Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang                                     |
| 20  | 45                                 | 8.186                                                | Điện nhĩ châm điều trị di tinh                                             |
| 21  | 46                                 | 8.187                                                | Điện nhĩ châm điều trị liệt dương                                          |
| 22  | 47                                 | 8.188                                                | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu tiện                                  |
| 23  | 48                                 | 8.189                                                | Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng                                      |
| 24  | 53                                 | 8.194                                                | Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V                                 |
| 25  | 54                                 | 8.195                                                | Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống                 |
| 26  | 55                                 | 8.196                                                | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não |
| 27  | 57                                 | 8.198                                                | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                           |
| 28  | 58                                 | 8.199                                                | Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên                                       |
| 29  | 60                                 | 8.201                                                | Điện nhĩ châm điều trị thông kinh                                          |
| 30  | 61                                 | 8.202                                                | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt                                |
| 31  | 62                                 | 8.203                                                | Điện nhĩ châm điều trị đau hốc mắt                                         |
| 32  | 64                                 | 8.205                                                | Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp           |
| 33  | 65                                 | 8.206                                                | Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực                                        |
| 34  | 67                                 | 8.208                                                | Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài                                     |
| 35  | 68                                 | 8.209                                                | Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang                                      |
| 36  | 70                                 | 8.211                                                | Điện nhĩ châm điều trị đái dầm                                             |
| 37  | 71                                 | 8.212                                                | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa                                   |
| 38  | 72                                 | 8.213                                                | Điện nhĩ châm điều trị đau răng                                            |
| 39  | 73                                 | 8.214                                                | Điện nhĩ châm điều trị nghiện rượu                                         |
| 40  | 74                                 | 8.215                                                | Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp                                 |
| 41  | 75                                 | 8.216                                                | Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai                                 |
| 42  | 76                                 | 8.217                                                | Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp                               |
| 43  | 77                                 | 8.218                                                | Điện nhĩ châm điều trị đau lưng                                            |
| 44  | 78                                 | 8.219                                                | Điện nhĩ châm điều trị ù tai                                               |



|     |     |       |                                                                        |
|-----|-----|-------|------------------------------------------------------------------------|
| 45  | 80  | 8.221 | Điện nhĩ châm điều trị liệt rẽ, đám rối dây thần kinh                  |
| 46  | 81  | 8.222 | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông                          |
| 47  | 82  | 8.223 | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật                     |
| 48  | 85  | 8.226 | Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rẽ, đa dây thần kinh                    |
| 49  | 86  | 8.227 | Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt                                |
| 50  | 189 | 8.278 | Điện châm điều trị hội chứng tiền đình                                 |
| 51  | 190 | 8.279 | Điện châm điều trị huyết áp thấp                                       |
| 52  | 192 | 8.281 | Điện châm điều trị hội chứng stress                                    |
| 53  | 193 | 8.282 | Điện châm điều trị cảm mạo                                             |
| 54  | 196 | 8.285 | Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt                 |
| 55  | 197 | 8.286 | Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em                            |
| 56  | 198 | 8.287 | Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em    |
| 57  | 202 | 8.291 | Điện châm điều trị viêm bàng quang                                     |
| 58  | 203 | 8.292 | Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện                                  |
| 59  | 204 | 8.293 | Điện châm điều trị bí đái cơ năng                                      |
| 60  | 207 | 8.296 | Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống                 |
| 61  | 208 | 8.297 | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não |
| 62  | 212 | 8.301 | Điện châm điều trị liệt chi trên                                       |
| 63  | 213 | 8.302 | Điện châm điều trị chấp lẹo                                            |
| 64  | 214 | 8.303 | Điện châm điều trị đau hồ mắt                                          |
| 65  | 216 | 8.305 | Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp           |
| 66  | 218 | 8.307 | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông                              |
| 67  | 222 | 8.311 | Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa                                   |
| 68  | 223 | 8.312 | Điện châm điều trị đau răng                                            |
| 69  | 224 | 8.313 | Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp                               |
| 70  | 225 | 8.314 | Điện châm điều trị ù tai                                               |
| 71  | 227 | 8.316 | Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh            |
| 72  | 228 | 8.317 | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật                         |
| 73  | 232 | 8.321 | Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt                                    |
| 74  | 363 | 8.389 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên                               |
| 75  | 365 | 8.391 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não     |
| 76  | 366 | 8.392 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thất lưng- hông                   |
| 77  | 367 | 8.393 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não                            |
| 78  | 368 | 8.394 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não       |
| 79  | 369 | 8.395 | Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não            |
| 80  | 370 | 8.396 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên                          |
| 81  | 371 | 8.397 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới                          |
| 82  | 372 | 8.398 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất                                |
| 83  | 373 | 8.399 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em                         |
| 84  | 375 | 8.401 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khẩu giác                              |
| 85  | 376 | 8.402 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ                         |
| 86  | 381 | 8.407 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp                        |
| 87  | 382 | 8.408 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu                        |
| 88  | 383 | 8.409 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ                                     |
| 89  | 385 | 8.411 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính           |
| 90  | 386 | 8.412 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rẽ, đám rối và dây thần kinh     |
| 91  | 387 | 8.413 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V                  |
| 92  | 388 | 8.414 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên        |
| 93  | 389 | 8.415 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi                                      |
| 94  | 390 | 8.416 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp   |
| 95  | 391 | 8.417 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng                                 |
| 96  | 392 | 8.418 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực                                |
| 97  | 393 | 8.419 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình                         |
| 98  | 399 | 8.425 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn                     |
| 99  | 400 | 8.426 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng                  |
| 100 | 401 | 8.427 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc                                         |
| 101 | 402 | 8.428 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp                         |

|     |     |       |                                                                |
|-----|-----|-------|----------------------------------------------------------------|
| 102 | 403 | 8.429 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp               |
| 103 | 405 | 8.431 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai                 |
| 104 | 406 | 8.432 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy                   |
| 105 | 407 | 8.433 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt                    |
| 106 | 408 | 8.434 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi           |
| 107 | 409 | 8.435 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa                         |
| 108 | 410 | 8.436 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt                |
| 109 | 411 | 8.437 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh                       |
| 110 | 412 | 8.438 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh             |
| 111 | 413 | 8.439 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón                             |
| 112 | 415 | 8.441 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông              |
| 113 | 416 | 8.442 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng                      |
| 114 | 420 | 8.446 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống |
| 115 | 421 | 8.447 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật             |
| 116 | 422 | 8.448 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư                 |
| 117 | 423 | 8.449 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm                             |
| 118 | 437 | 8.451 | Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn           |
| 119 | 438 | 8.452 | Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn                      |
| 120 | 439 | 8.453 | Cứu điều trị nấc thể hàn                                       |
| 121 | 440 | 8.454 | Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn                               |
| 122 | 441 | 8.455 | Cứu điều trị khản tiếng thể hàn                                |
| 123 | 442 | 8.456 | Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn                 |
| 124 | 443 | 8.457 | Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn                             |
| 125 | 444 | 8.458 | Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn                             |
| 126 | 445 | 8.459 | Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn                            |
| 127 | 447 | 8.461 | Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn                           |
| 128 | 448 | 8.462 | Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn                            |
| 129 | 449 | 8.463 | Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn                         |
| 130 | 450 | 8.464 | Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não             |
| 131 | 451 | 8.465 | Cứu điều trị di tinh thể hàn                                   |
| 132 | 452 | 8.466 | Cứu điều trị liệt dương thể hàn                                |
| 133 | 453 | 8.467 | Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn                        |
| 134 | 454 | 8.468 | Cứu điều trị bí đái thể hàn                                    |
| 135 | 455 | 8.469 | Cứu điều trị sa tử cung thể hàn                                |
| 136 | 457 | 8.471 | Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn                      |
| 137 | 458 | 8.472 | Cứu điều trị đái dầm thể hàn                                   |
| 138 | 459 | 8.473 | Cứu điều trị đau lưng thể hàn                                  |
| 139 | 460 | 8.474 | Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn                            |
| 140 | 461 | 8.475 | Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn               |
| 141 | 462 | 8.476 | Cứu điều trị cảm cúm thể hàn                                   |
| 142 | 463 | 8.477 | Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn                         |
| 143 | 477 | 8.479 | Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn                          |
| 144 | 479 | 8.481 | Giác hơi điều trị các chứng đau                                |
| 145 | 480 | 8.482 | Giác hơi điều trị cảm cúm                                      |
|     |     |       | <b>PHỤC HỒI CHỨC NĂNG</b>                                      |
| 146 | 481 | 17.11 | Điều trị bằng tia hồng ngoại                                   |
| 147 | 483 | 17.17 | Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)                          |
| 148 | 484 | 17.31 | Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người              |
| 149 | 485 | 17.35 | Tập lăn trở khi nằm                                            |
| 150 | 486 | 17.36 | Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi                           |
| 151 | 487 | 17.41 | Tập đi với thanh song song                                     |
| 152 | 488 | 17.42 | Tập đi với khung tập đi                                        |
| 153 | 489 | 17.43 | Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)                        |
| 154 | 490 | 17.44 | Tập đi với gậy                                                 |
| 155 | 491 | 17.47 | Tập lên, xuống cầu thang                                       |
| 156 | 493 | 17.54 | Tập vận động chủ động                                          |
| 157 | 494 | 17.55 | Tập vận động tự do tứ chi                                      |

|     |     |        |                                                                                                                  |
|-----|-----|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 158 | 495 | 17.63  | Tập với thang tường                                                                                              |
| 159 | 496 | 17.65  | Tập với ròng rọc                                                                                                 |
| 160 | 497 | 17.66  | Tập với dụng cụ quay khớp vai                                                                                    |
| 161 | 498 | 17.67  | Tập với dụng cụ chèo thuyền                                                                                      |
| 162 | 500 | 17.71  | Tập với xe đạp tập                                                                                               |
| 163 | 501 | 17.75  | Tập ho có trợ giúp                                                                                               |
| 164 | 504 | 11.102 | Khám di chứng bông                                                                                               |
|     |     |        | <b>HỆ TUẦN HOÀN</b>                                                                                              |
| 165 | 510 | 3.44   | Ghi điện tim cấp cứu tại giường                                                                                  |
|     |     |        | <b>HỆ HÔ HẤP</b>                                                                                                 |
| 166 | 513 | 1.54   | Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyen mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút) |
| 167 | 514 | 1.57   | Thở oxy qua gọng kính ( $\leq 8$ giờ)                                                                            |
| 168 | 516 | 1.65   | Bóp bóng Ambu qua mặt nạ                                                                                         |
| 169 | 517 | 1.85   | Vận động trị liệu hô hấp                                                                                         |
| 170 | 520 | 1.158  | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản                                                                            |
| 171 | 521 | 2.4    | Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)                                                                                |
| 172 | 525 | 3.105  | Thở ngạt                                                                                                         |
| 173 | 526 | 3.108  | Thở oxy gọng kính                                                                                                |
| 174 | 527 | 3.113  | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp                                                                                   |
|     |     |        | <b>HỆ THẦN KINH</b>                                                                                              |
| 175 | 529 | 2.149  | Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường                                                       |
| 176 | 532 | 2.163  | Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN                                                                    |
| 177 | 534 | 2.165  | Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường                                                                |
| 178 | 535 | 2.166  | Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)                                                     |
|     |     |        | <b>HỆ TIÊU HOÁ</b>                                                                                               |
| 179 | 536 | 1.215  | Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa                                                                |
| 180 | 537 | 1.216  | Đặt ống thông dạ dày                                                                                             |
| 181 | 539 | 1.221  | Thụt tháo                                                                                                        |
| 182 | 541 | 1.224  | Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)                                                                            |
| 183 | 543 | 1.229  | Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên $\leq 8$ giờ                                        |
| 184 | 544 | 2.337  | Thụt thuốc qua đường hậu môn                                                                                     |
| 185 | 545 | 2.339  | Thụt tháo phân                                                                                                   |
| 186 | 546 | 3.181  | Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay                                                 |
| 187 | 547 | 3.191  | Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường                                                                         |
| 188 | 548 | 3.194  | Tắm cho người bệnh tại giường                                                                                    |
| 189 | 549 | 3.199  | Xoa bóp phòng chống loét                                                                                         |
| 190 | 550 | 3.201  | Cố định tạm thời người bệnh gãy xương                                                                            |
| 191 | 551 | 3.203  | Cầm máu (vết thương chảy máu)                                                                                    |
| 192 | 552 | 3.204  | Vận chuyển người bệnh an toàn                                                                                    |
| 193 | 553 | 3.206  | Định nhóm máu tại giường                                                                                         |
|     |     |        | <b>TOÀN THÂN</b>                                                                                                 |
| 194 | 555 | 1.249  | Giải stress cho người bệnh                                                                                       |
| 195 | 556 | 1.251  | Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)                                                |
| 196 | 557 | 1.252  | Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch $\leq 8$ giờ                                                                        |
| 197 | 559 | 1.261  | Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)                                                                            |
| 198 | 560 | 1.262  | Gội đầu cho người bệnh tại gi-ường                                                                               |
| 199 | 561 | 1.264  | Tắm cho người bệnh tại gi-ường                                                                                   |
| 200 | 562 | 1.266  | Xoa bóp phòng chống loét                                                                                         |
| 201 | 563 | 1.267  | Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)                                                              |
| 202 | 565 | 1.269  | Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn                                                                                  |
| 203 | 567 | 1.275  | Băng bó vết thương                                                                                               |
| 204 | 568 | 1.277  | Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng                                                                                |
| 205 | 569 | 1.278  | Vận chuyển người bệnh cấp cứu                                                                                    |
| 206 | 570 | 1.279  | Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng                                                             |
| 207 | 571 | 14.208 | Thay băng vô khuẩn                                                                                               |
|     |     |        | <b>HỆ THẬN TIẾT NIỆU</b>                                                                                         |

|     |     |        |                                                                                              |
|-----|-----|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 208 | 574 | 2.188  | Đặt sonde bằng quang                                                                         |
| 209 | 576 | 3.133  | Thông tiêu                                                                                   |
|     |     |        | <b>NỘI TIẾT</b>                                                                              |
| 210 | 580 | 7.234  | Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường                                  |
| 211 | 582 | 7.241  | Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện                                                        |
|     |     |        | <b>DA VÀ LỚP BAO PHỦ</b>                                                                     |
| 212 | 583 | 11.79  | Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt                                                        |
| 213 | 585 | 11.81  | Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng                                                              |
| 214 | 586 | 11.82  | Sơ cấp cứu bỏng acid                                                                         |
| 215 | 587 | 11.83  | Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện                                                                 |
| 216 | 588 | 11.116 | Thay băng điều trị vết thương mạn tính                                                       |
| 217 | 589 | 3.1515 | Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu. |
|     |     |        | <b>MẮT</b>                                                                                   |
| 218 | 590 | 14.209 | Tra thuốc nhỏ mắt                                                                            |

*Handwritten signature and initials in blue ink.*

